



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Dịch vụ Đô thị Bà Rịa

Ngày 31/12/2024	22,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	5.3%	5.3%	3.0%

DT thuần Q4/24
tỷ VNĐ

LN thuần Q4/24
tỷ VNĐ

LN sau thuế Q4/24
tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT 2024
12.3%
YoY: +/-▼ 0.7%

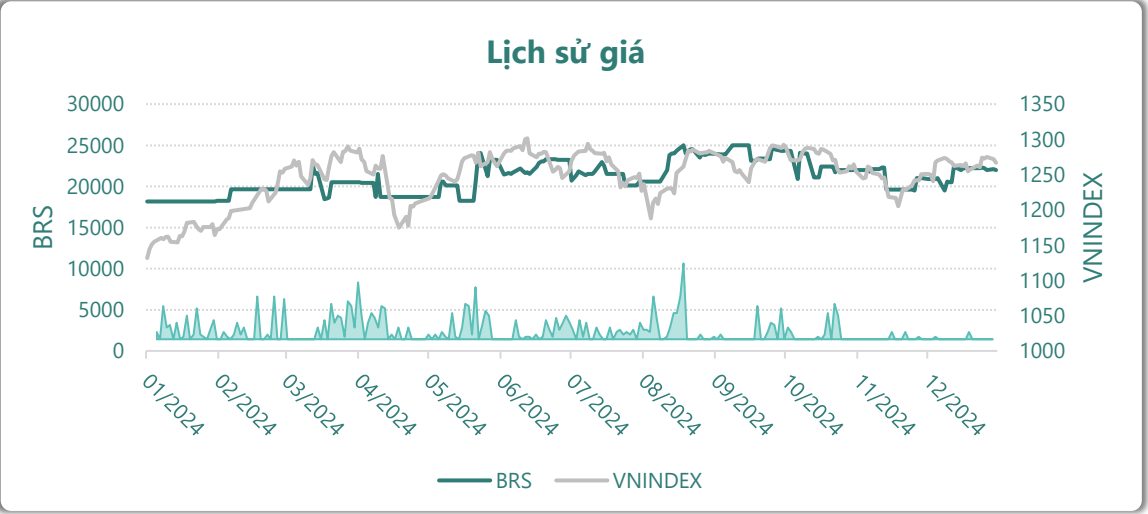
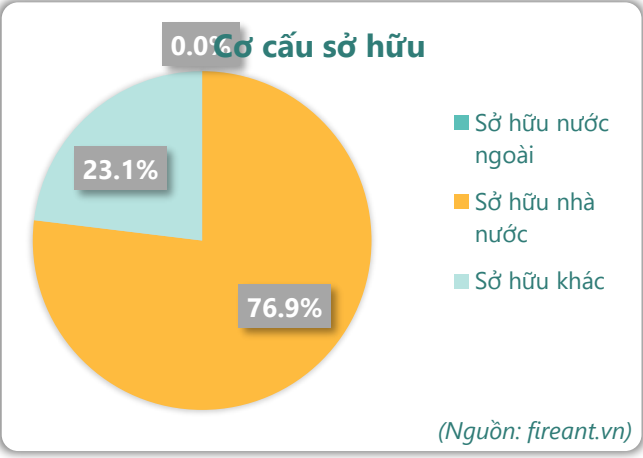
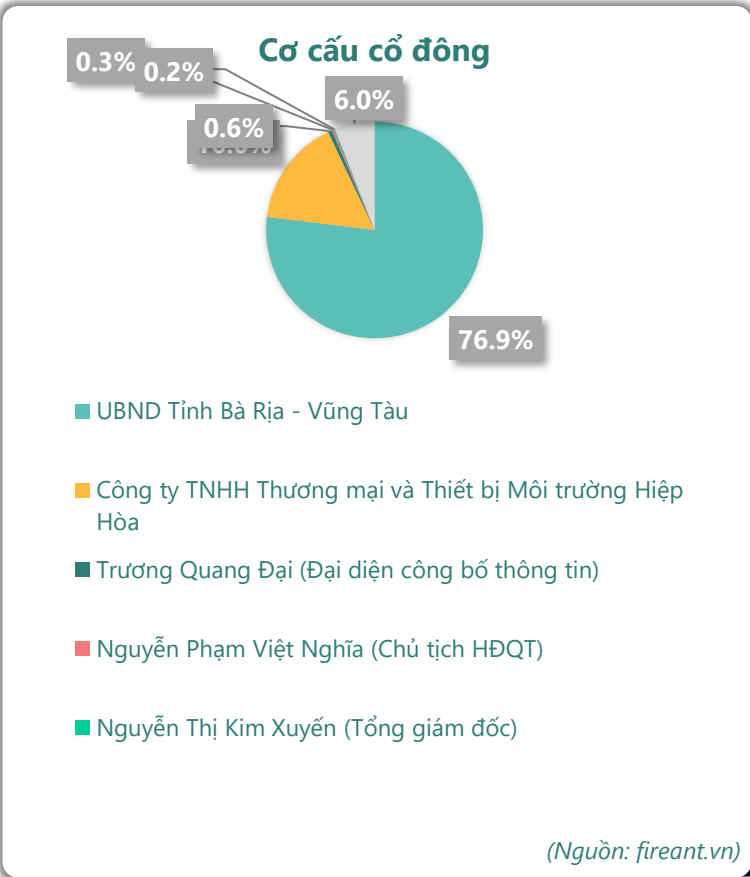
ROE 2024
23.8%
YoY: +/-▲ 0.8%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	18,165 - 25,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	100
Số lượng CPLH (CP)	4,541,950
KLGD BQ 20 phiên (CP)	380
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.03
EPS	
P/E	

DT thuần 2024
157
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 15.0 9.9%

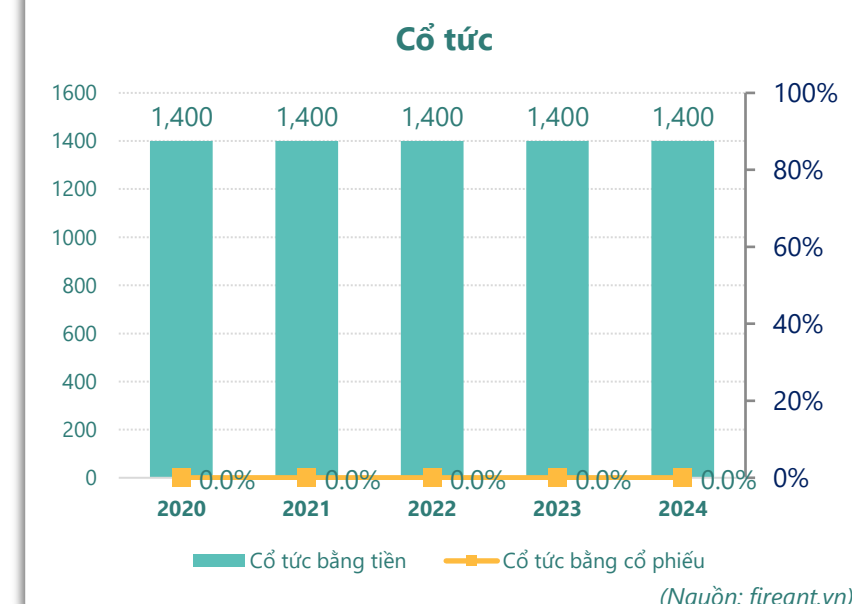
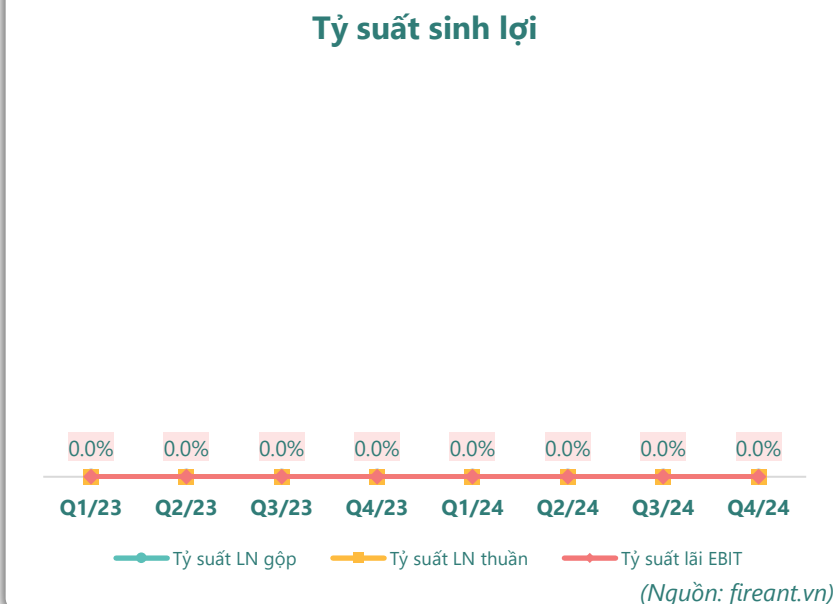
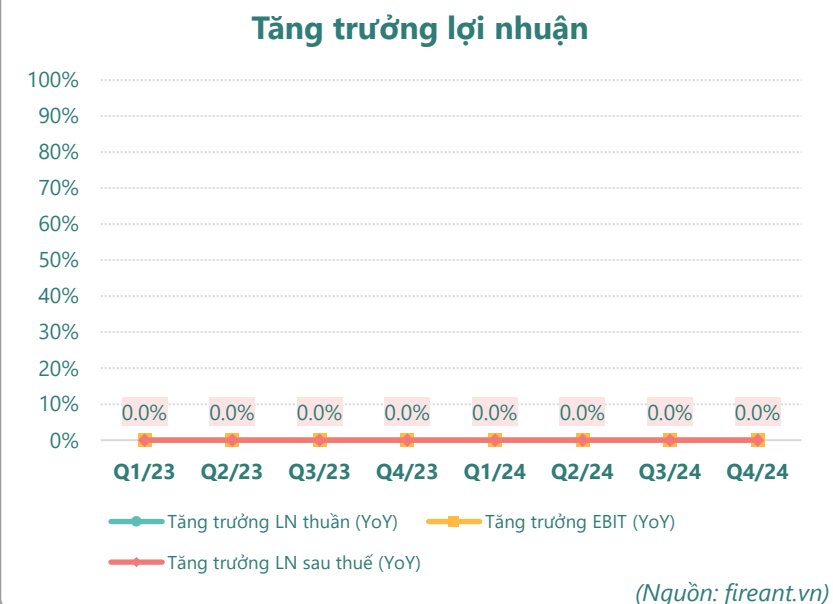
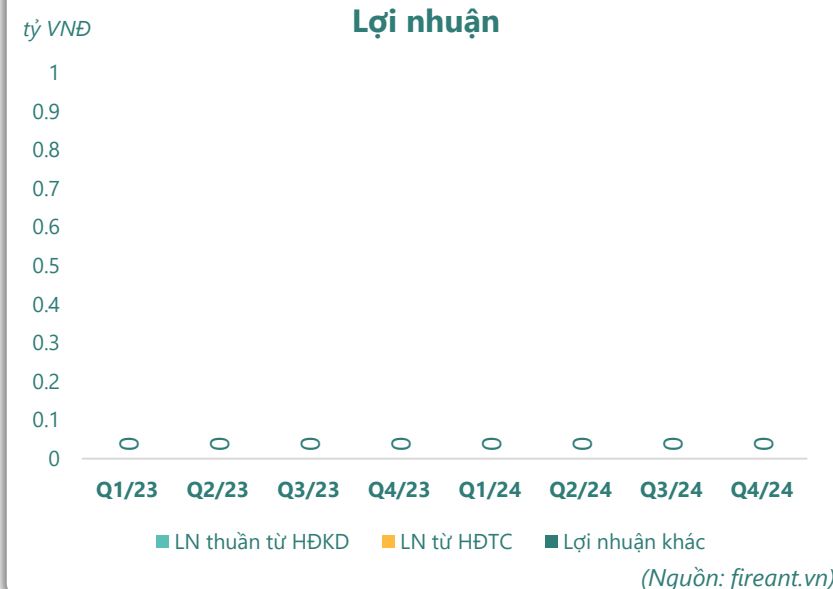
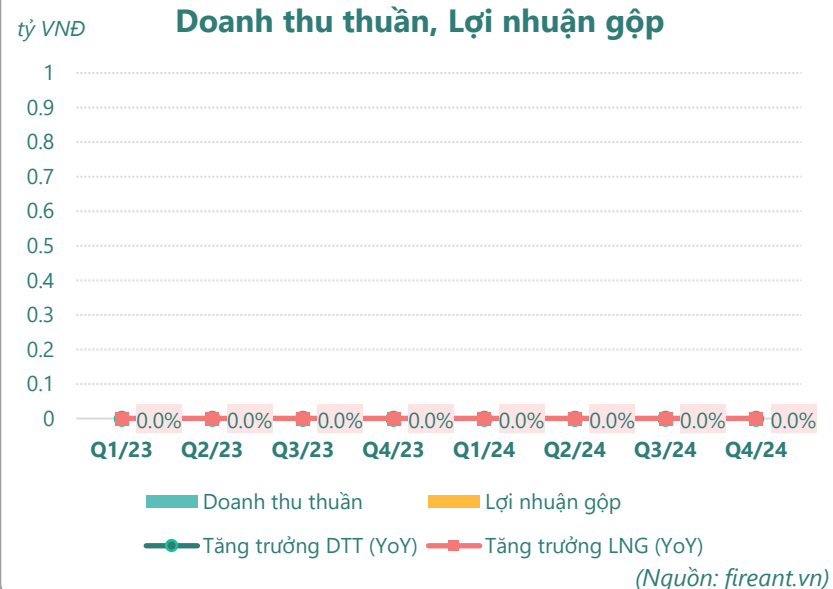
LN thuần 2024
19.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.70 3.9%

LN sau thuế 2024
15.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.70 4.4%





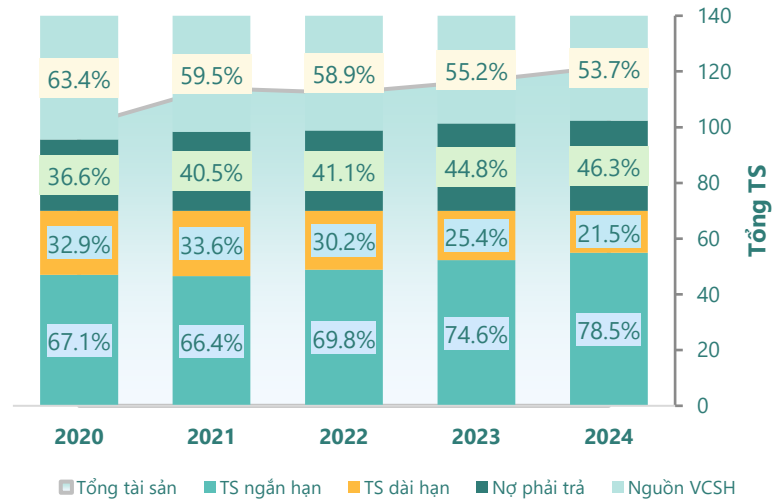
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

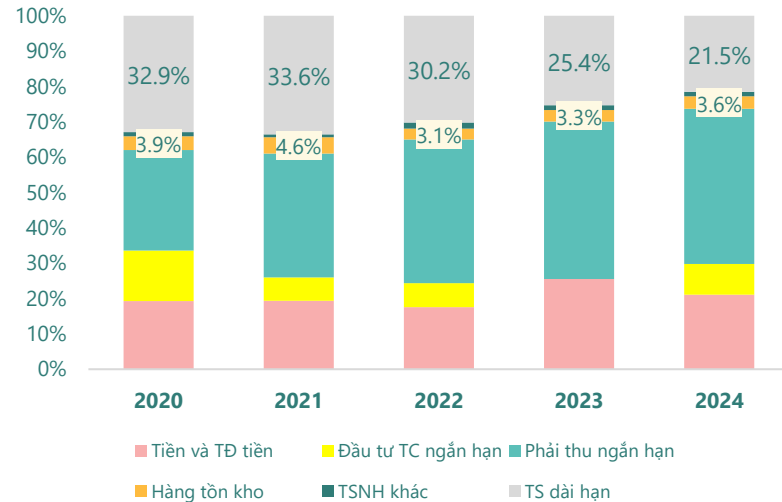
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

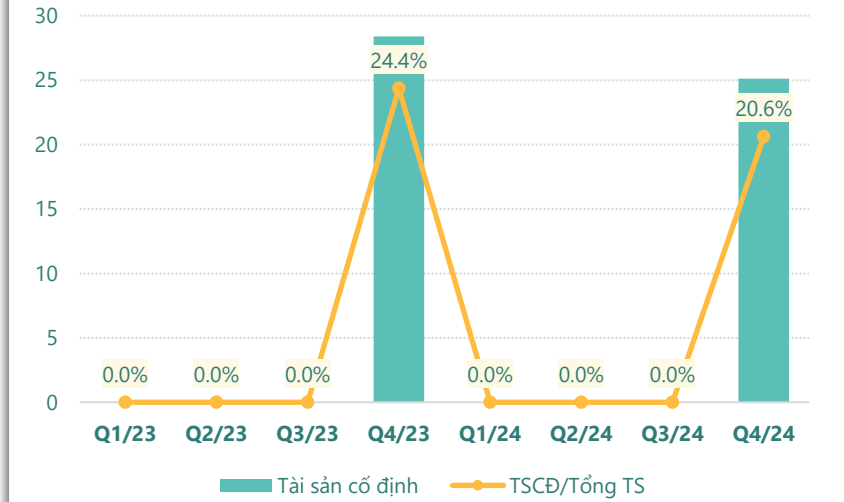
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

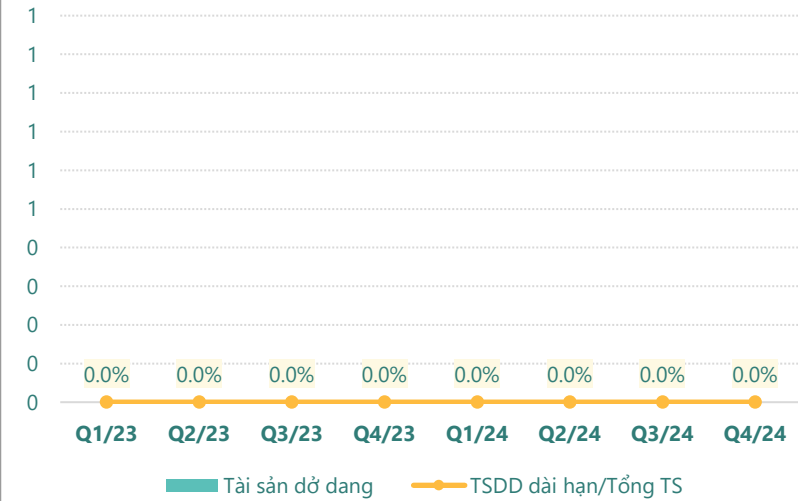
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

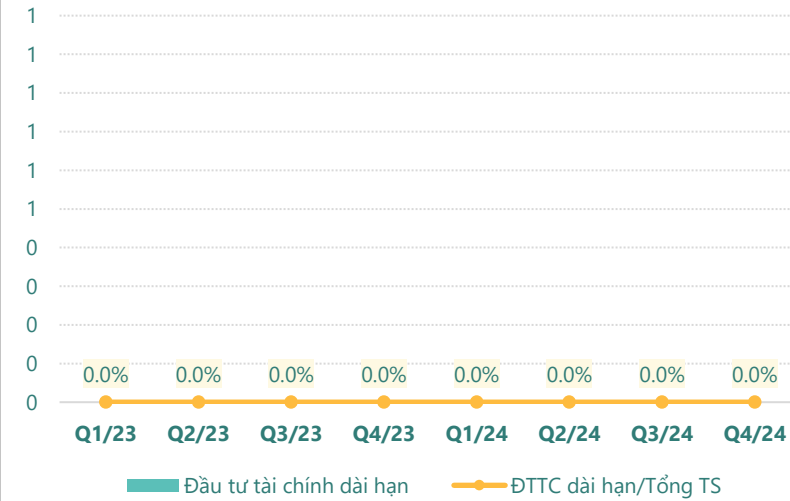
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

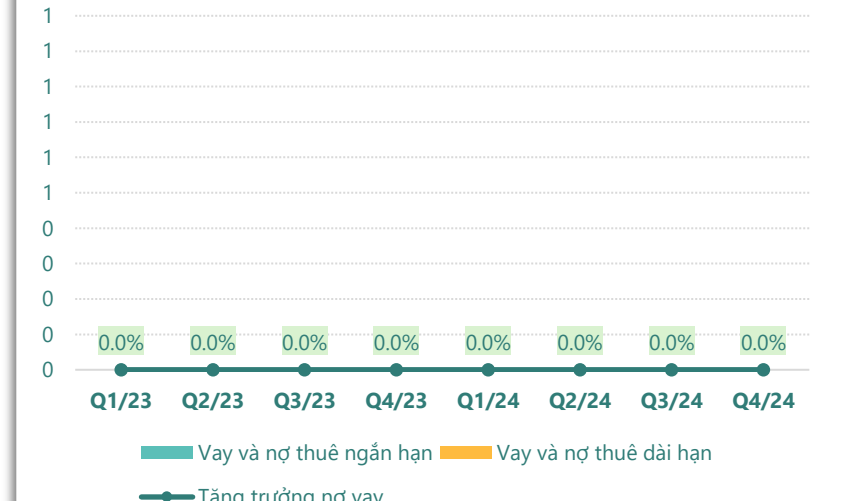
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

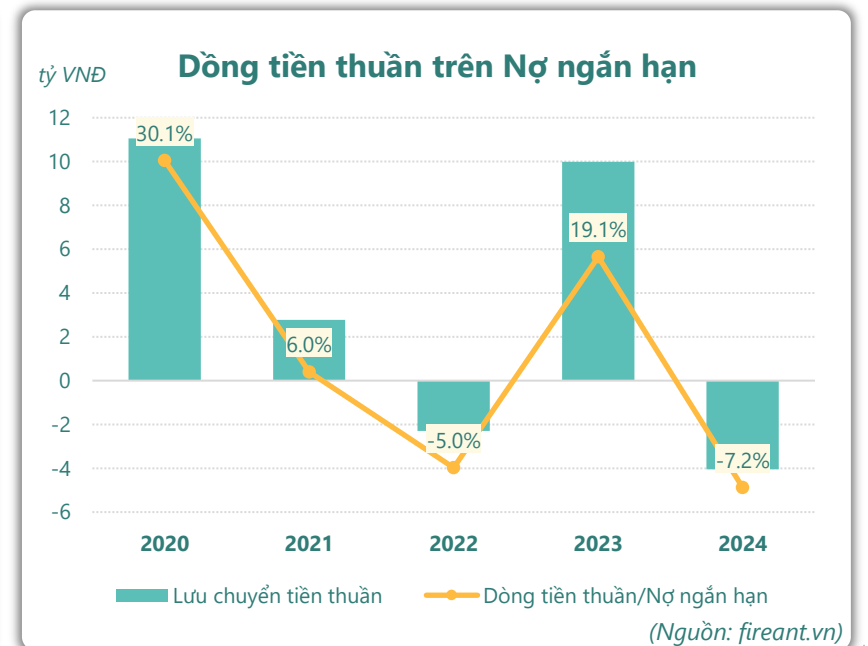
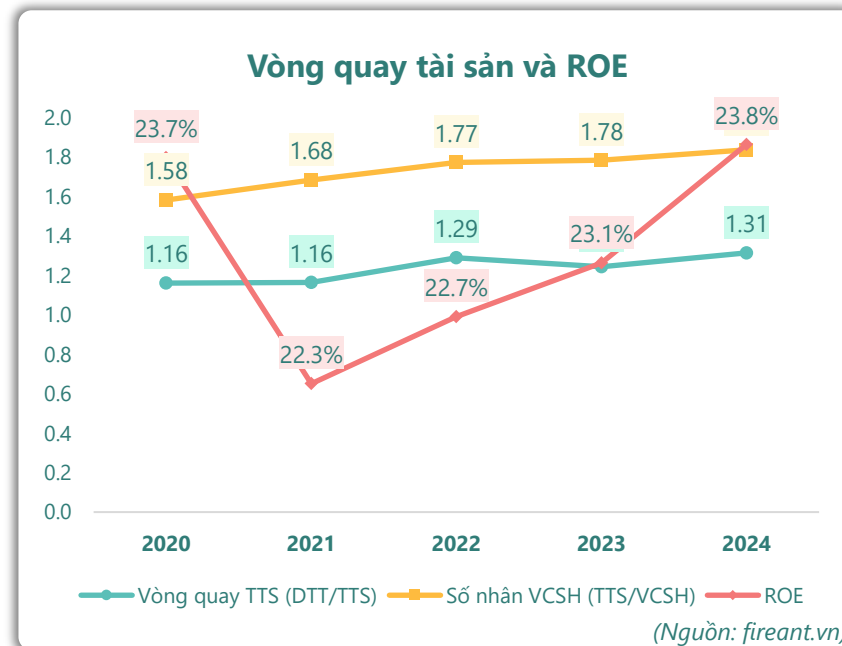
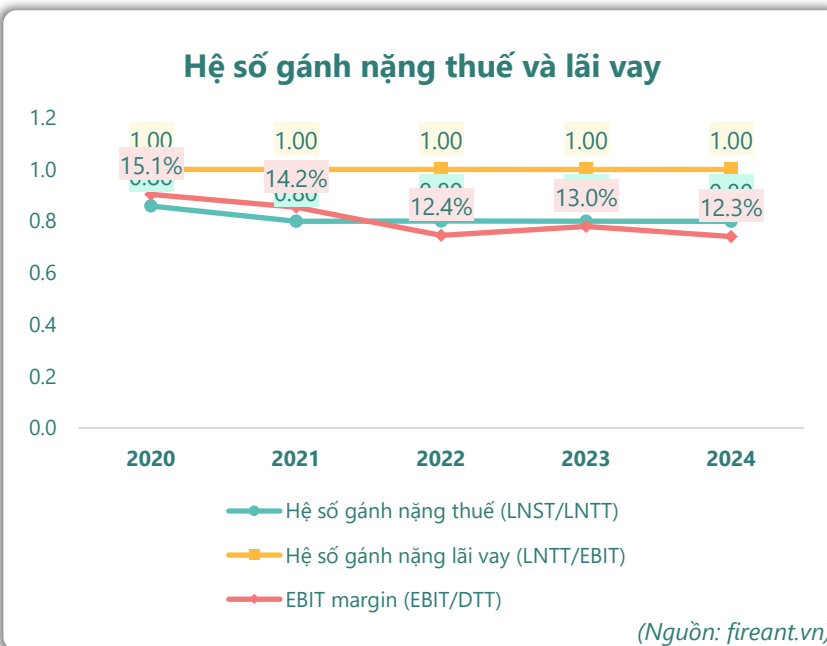
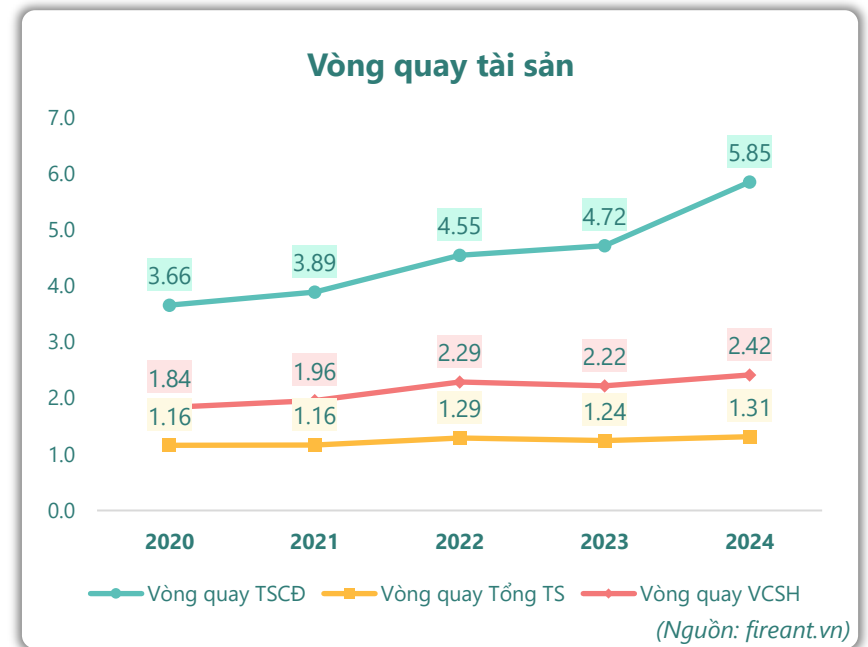
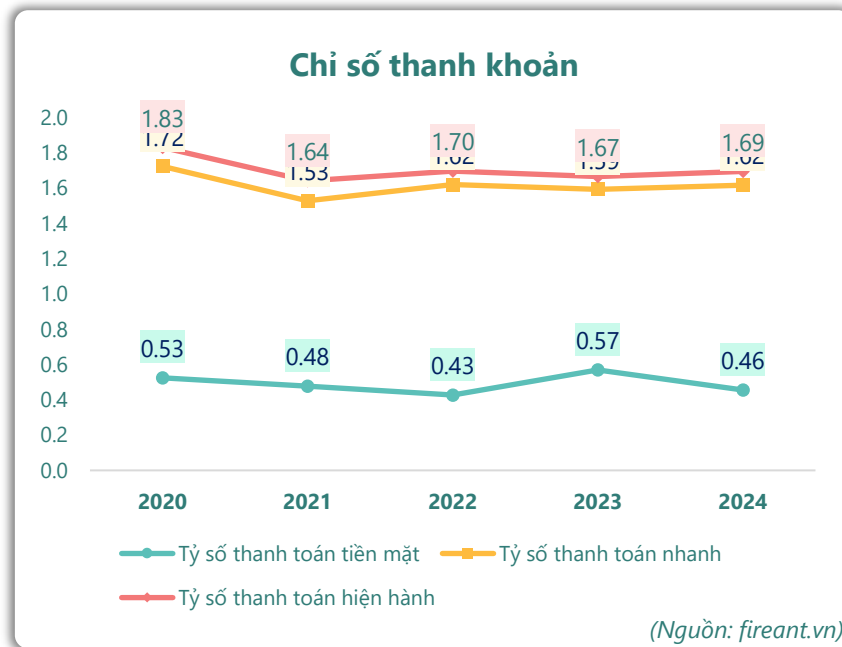
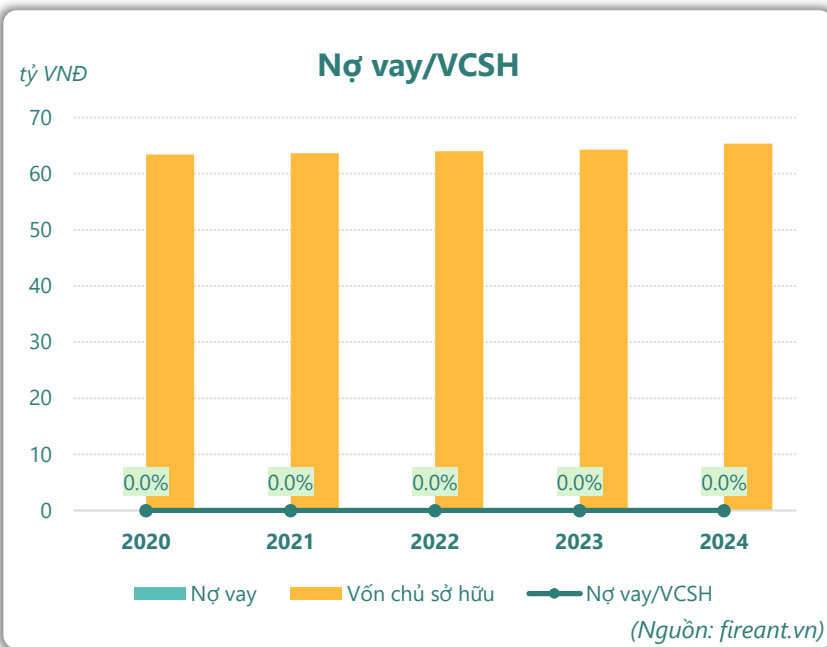
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần				157	142	9.9%
Giá vốn hàng bán				125	112	11.5%
Lợi nhuận gộp				31.3	30.0	4.2%
Doanh thu HĐTC				0.48	0.60	-19.2%
Chi phí TC				0	0.01	-100%
Chi phí lãi vay				0	0.01	-100%
LN trong công ty LKLD				0	0	
Chi phí bán hàng				0	0	
Chi phí QLDN				12.6	12.1	3.5%
LN thuần từ HĐKD				19.2	18.5	3.9%
Lợi nhuận khác				0.11	0.03	318%
LN trước thuế				19.3	18.5	4.4%
Lợi nhuận sau thuế				15.5	14.8	4.4%
LNST của CĐ cty mẹ				15.5	14.8	4.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	0	0	0	0	0	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	122	117	4.5%
Tài sản ngắn hạn	95.5	87.0	9.8%
Tiền và tương đương tiền	25.7	29.7	-13.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.6	0	
Phải thu ngắn hạn	53.4	51.9	2.9%
Hàng tồn kho	4.34	3.79	14.5%
Tài sản ngắn hạn khác	1.51	1.56	-3.3%
Tài sản dài hạn	26.2	29.5	-11.2%
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	-0.6%
Tài sản cố định	25.1	28.4	-11.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1.12	1.14	-1.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	56.4	52.2	7.9%
Nợ ngắn hạn	56.4	52.2	7.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	5.54	7.25	-23.6%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	65.4	64.3	1.7%
Vốn chủ sở hữu	65.4	64.3	1.7%
Vốn điều lệ	45.4	45.4	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

